

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
VIETNAM STONE WORK – TOP FABRICATION J.S.C
-----&*&-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh	4
3.2. Địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.1 Mô hình quản trị.....	5
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết	5
5. Định hướng phát triển.....	5
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	5
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	6
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)	7
6. Các rủi ro	8
6.1 Rủi ro về tài chính	8
6.2 Rủi ro về luật pháp	10
6.3 Rủi ro đặc thù	10
6.4 Rủi ro khác.....	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	13
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	17
2. Tổ chức và nhân sự.....	18
2.1 Danh sách Ban điều hành.....	18
2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng ...	20
2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động	20
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	21
3.1 Các khoản đầu tư lớn	22
3.2 Các công ty con, công ty liên kết :	23
4. Tình hình tài chính.....	23
4.1 Tình hình tài chính.....	23
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	23

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	24
5.1 Cổ phần.....	24
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	25
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ	26
5.5 Các chứng khoán khác	26
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	26
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	26
2. Tình hình tài chính.....	27
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	29
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	30
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	330
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	30
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	30
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	37
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	37
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	38
1. Hội đồng quản trị của Công ty.....	38
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	38
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	40
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị	40
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	40
1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị	40
2. Ban kiểm soát của Công ty	43
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	40
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát	52
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	47
3.1 Thù lao, các khoản lợi ích	47
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	47
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	47
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	47
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	48
1. Ý kiến kiểm toán.....	48
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	49

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
- Tên giao dịch : Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company
- Tên viết tắt : **STONE VIETNAM**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0500555916 (Chuyển từ số ĐKKD 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007) và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/06/2014.
- Vốn điều lệ : **65.127.500.000 đồng**
- Địa chỉ : Khu công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 04 – 33688306 Fax : 04 – 33688305
- Email : info@stonevietnam.com Website : www.stonevietnam.com
- Mã cổ phiếu : **STV**
- **Phụ trách công bố thông tin**
Họ và tên: Bà TRẦN THỊ ĐỨC HẠNH
Chức vụ: Kế toán trưởng
Điện thoại: 04 – 33688306 Fax: 04 – 33688305
Mob: 0983823274
- **Đơn vị kiểm toán độc lập:**
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 04 3831 5100
Thực hiện kiểm toán BCTC các năm 2014, 2015, 2016

2. Quá trình hình thành và phát triển

- ✓ Ngày 13/02/2007, Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0303000640 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp với vốn điều lệ ban đầu là **20 tỷ đồng**.
- ✓ Ngày 21/06/2007, Công ty được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chính thức trở thành Công ty đại chúng.
- ✓ Ngày 05/04/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 85/2010/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là : **STV**.
- ✓ Ngày 08/12/2011 Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là **STV** và ngày **15/12/2011** là ngày bắt đầu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

✓ Từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 05 lần tăng vốn điều lệ, quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng trong năm 2008 bằng hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/NQ/SVN-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2008 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược của Công ty là Công ty Đá ốp lát cao cấp VINACONEX và Công ty Cổ phần Đệ Tam.

Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng trong năm 2009 bằng hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/2009/NQ/SVN-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2009 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược.

Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 41,025 tỷ đồng trong năm 2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2012/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2012 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 41,025 tỷ đồng lên 45,127 tỷ đồng trong năm 2013 bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 01/2013/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2013 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

Lần 5: Tăng vốn điều lệ từ 45,127 tỷ đồng lên 65,127 tỷ đồng trong năm 2014 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2013/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18/09/2013 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm nay của Công ty là tư vấn, thiết kế, gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces sử dụng trong nội thất gia đình, nhà hàng, khách sạn, văn phòng và các dự án cao cấp.

3.2. Địa bàn kinh doanh

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam (STV) không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces. Sản phẩm của Công ty có mặt trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như được xuất khẩu đi một số nước trên Thế giới.

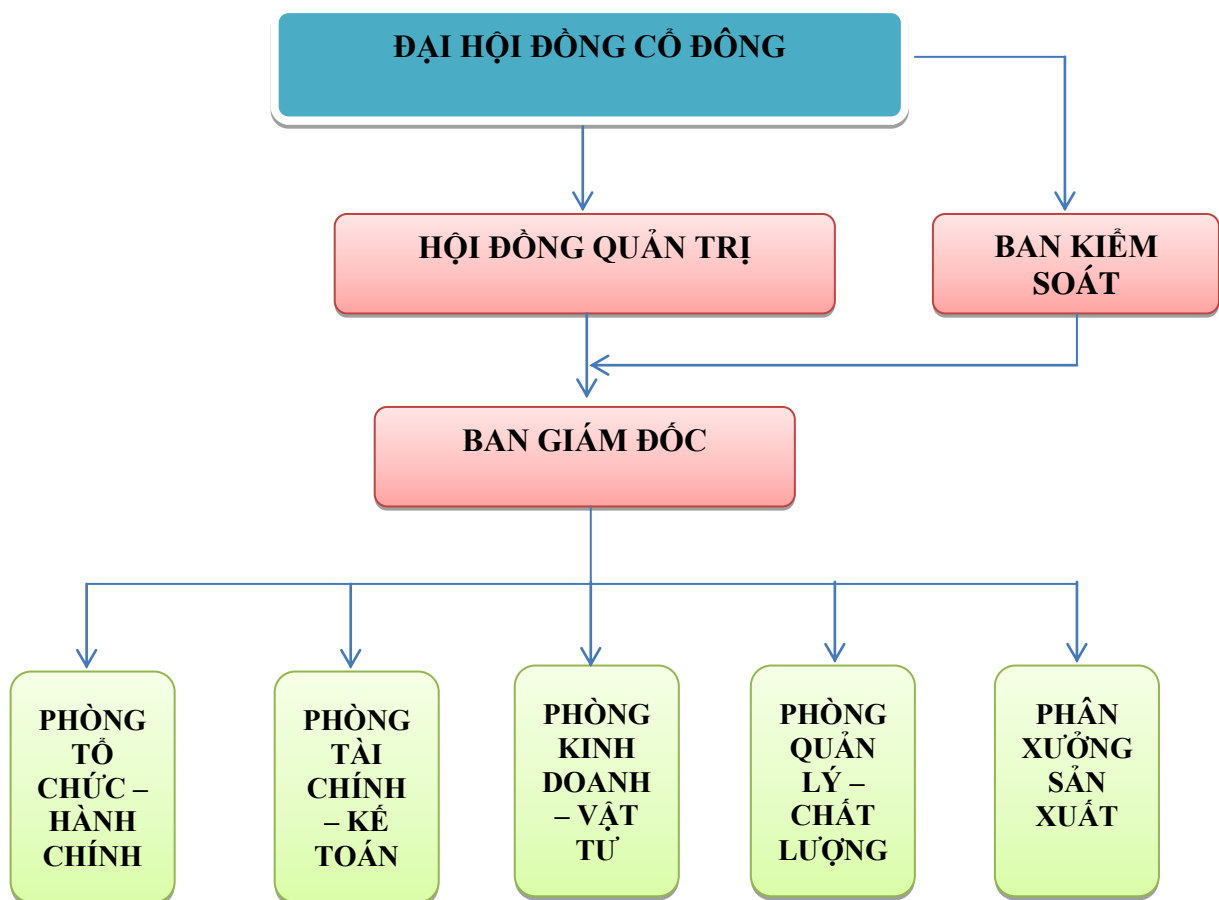
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và các bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY STONE VIETNAM



4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết

- ✓ Công ty con: không có
- ✓ Công ty liên kết: không có

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu là trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác và lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu

VICOSTONE Quartz Surfaces sử dụng trong nội thất tại thị trường Việt Nam và trên thị trường Quốc tế.

Đào tạo và nâng cao năng lực điều hành quản lý, năng lực khoa học kỹ thuật và các kỹ năng khác ... cho cán bộ công nhân viên, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ tốt hơn,

Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp (như: quản lý Tài chính, quản lý Kho, quản lý Bán hàng, quản lý Sản xuất ...) trên toàn bộ hệ thống công ty một cách khoa học và hiệu quả đó là triển khai và sử dụng hệ thống SAP-ERP (hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp).

Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh thông qua các chính sách ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và gia tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên, củng cố tinh thần đoàn kết, tinh thần xây dựng, lòng nhiệt tình sáng tạo, ...

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng Công ty CP chế tác đá Việt Nam trở thành hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces bằng những công việc cụ thể sau :

- Phát triển và mở rộng thị trường trong nước chủ yếu vào các lĩnh vực dự án chung cư cao cấp, các biệt thự , chuỗi nhà hàng ... Mở rộng hệ thống đại lý phân phối tại khu vực TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng và TP Đà Nẵng ...

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu đá mẫu; Binder, các dự án gia công chế tác (Dự án Cut to size) thông qua các Công ty trong tập đoàn như: Công ty CP đá thạch anh cao cấp VCS, Công ty CP Style Stone.

- Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác trong điều kiện cho phép phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

- Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;

- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;

- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến như triển khai dự án hệ thống SAP-ERP, tăng cường công tác quản trị rủi ro;

- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và định hướng phát triển của Tập đoàn, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo như sau:

TT	Khoản mục	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu gia công chế tác (triệu đồng)	149.613	180.658	216.790	260.148
2	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	28.391	18.016	20.596	24.715
3	Vốn điều lệ (triệu đồng)	65.127,5	100.000	100.000	100.000

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)

Đề Công ty CP chế tác đá Việt Nam trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces thì định hướng phát triển bền vững của Công ty sẽ chú trọng vào những mục tiêu sau :

✓ Trách nhiệm đối với các vấn đề xã hội

- *Đối với CBCNV :*

+ Xác định con người là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của Công ty, trong những năm qua Công ty luôn luôn lấy mục tiêu phát triển bền vững là hàng đầu được thể hiện ở các đảm bảo việc làm ổn định cho CBCNV, mức thu nhập bình quân hàng năm tăng.

+ Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động làm việc tại công ty như: bồi dưỡng làm ca 3, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản... đảm bảo tuân thủ các chế độ theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ kịp thời cho người lao động.

+ Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ

- *Tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh :* Chính sách hoạt động của Công ty là tuân thủ pháp luật về chế độ chính sách và luôn minh bạch trong mối quan hệ với các bên liên quan và luôn tôn trọng cạnh tranh lành mạnh

- *Hoạt động công đồng :* Công ty thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện . . . khăng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới một sự phát triển bền vững của xã hội

✓ Trách nhiệm về sản phẩm

Chất lượng sản phẩm là nền tảng cốt lõi trong sự thành công của Công ty. Yếu tố này sẽ luôn được Công ty gìn giữ và phát huy bằng những hoạt động nghiên cứu và phát triển tạo ra những sản phẩm với những mức giá hợp lý cho mọi đối tượng người tiêu dùng.

✓ Trách nhiệm về môi trường

Hiện nay, biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động mạnh đến điều kiện môi trường sống. Trong đó Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu với tình trạng hạn hán, lũ lụt, ngập mặn kéo dài. Là một Công ty hoạt động trong nền kinh tế, Stone Viet Nam cam kết tiếp tục thực hiện những giải pháp phù hợp với sự đầu tư về cả tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý để đảm bảo việc xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng (thành lập ban chỉ đạo sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả) và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch để góp phần vào mục tiêu lớn là giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau :

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro sự thay đổi hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể và ít phát sinh.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	Đơn vị tính: VNĐ		
	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	36.670.354.022	-	36.670.354.022
Chi phí phải trả	44.000.000	-	44.000.000
	36.714.354.022	-	36.714.354.022
Số đầu năm			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	215.729.461	-	215.729.461
Chi phí phải trả	40.000.000	-	40.000.000
	255.729.461	-	255.729.461

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán khoản nợ này. Số dư nợ tập trung chủ yếu là từ Công ty cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS đây là Công ty liên kết (bao tiêu đầu ra các sản phẩm của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam). Đây là khoản nợ mua phôi đá dự phòng phục vụ cho kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty (36.102.683.362 đồng chiếm khoảng 30% nhu cầu sử dụng phôi), nên Công ty đánh giá rủi ro trong thanh toán nợ là rất thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.2 Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đặc biệt, Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nên chịu sự chi phối của Luật Xây dựng và các quy định khác về bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

6.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro về nhân sự:

Nguồn nhân sự rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác đá do đó đội ngũ công nhân phải có chất lượng, tay nghề thuần thục. Nếu nhân sự liên tục thay đổi sẽ ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về cạnh tranh:

Sản phẩm của Công ty đang trong giai đoạn thâm nhập vào thị trường trong nước, chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến rộng rãi, chủ yếu tập trung tại thị trường Phía Bắc. Sự cạnh tranh cùng ngành sản phẩm thì rất ít nhưng sự cạnh tranh khác ngành sản phẩm và vật liệu thay thế thì rất nhiều. Các sản phẩm cạnh tranh chủ yếu hiện nay vẫn là dòng đá tự nhiên như Kimsa, Đen Huế, Marble và những dòng đá nhân tạo nhưng xuất từ Trung Quốc. Các công ty phân phối sản phẩm này ra đời và hoạt động từ lâu. Ngoài ra hiện nay trên thị trường Việt nam xuất hiện thêm rất nhiều các sản phẩm khác cùng loại như: Solid Surfaces, đá nhân tạo nhập từ Trung Quốc. Một số dòng sản phẩm Đá Quartz được sản xuất trên dây chuyền Breton như của Công ty cũng đã bắt đầu thâm nhập vào Việt Nam, như sản phẩm của Caesarstone được Hafele phân phối, sản phẩm Silestone được Công ty Đông Dương phân phối, sản phẩm của Handstone được công ty Hòn Ngọc đỏ phân phối, tuy nhiên số lượng không đáng kể.

Rủi ro an toàn lao động:

Đối với lĩnh vực gia công chế tác đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh, việc sản xuất gia công chế tác và lắp đặt trong điều kiện lao động khắc nghiệt như: môi trường làm việc nhiều tiếng ồn, nồng độ bụi cao, độ ẩm cao, công nhân thường mắc các bệnh về đường hô hấp, da ... Trong quá trình lắp đặt, rủi ro về an toàn lao động nếu xảy ra, đe dọa đến tính mạng người lao động.

6.4 Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty không ngừng phát triển trong lĩnh vực cung cấp, gia công, chế tác, lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh sử dụng trong nội thất như Mặt bàn bếp, Mặt bàn Lavabo, Bồn tắm, các sản phẩm ốp lát.

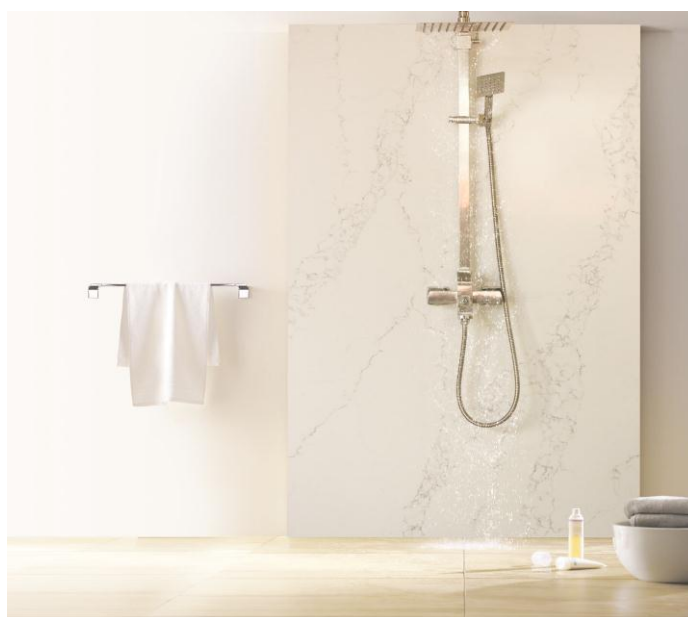
Với hệ thống phân phối trong những năm vừa qua đang mở rộng chủ yếu tập trung tại Thị trường phía Bắc, công ty đã và đang xây dựng được những kênh phân phối là các Đơn vị nội thất, thiết kế tại thị trường Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh ...và kế hoạch năm 2017 sẽ bắt đầu đẩy mạnh vào thị trường phía Nam

Trong thời gian qua, nhiều khách hàng như : Pental, Pangea quartz, Stylenquaza, IMAC, WK . . . đã chuyển hướng sang đặt hàng cho dự án về các sản phẩm qua gia công chế tác tại công ty (bộ cửa, bàn bếp, bàn lavabo. . .), điển hình như các dự án : Grand Promenade Phase 2 (Pental) ; Vue Condo Project (Pengea quartz); Thresholds 889/883 Collins (WK); The Paramount (Pengea quartz); SOLIS SOUTHLINE - VICO ALTEA (Stylenquaza); DHL North East - Stone WK Marble order (WK); CAROLINA SQUARE QUOTE (Stylenquaza)

Qua những dự án này, Công ty Cổ phần Chế tác Đá Việt Nam ngày càng được đông đảo người tiêu dùng biết đến và mong muốn sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ cũng như sự hài lòng của khách hàng là ưu tiên hàng đầu và là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm tiêu biểu được ứng dụng trong nội thất gia đình như : bàn quỳ, bàn bếp, bàn đảo, bàn ăn; bàn lavabo và shower trong phòng tắm





Bên cạnh đó, với các trang thiết bị hiện đại đã được đầu tư, các sản phẩm của công ty luôn đáp ứng được tốt nhất các yêu cầu về mặt gia công, chế tác của khách hàng

1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và năm 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

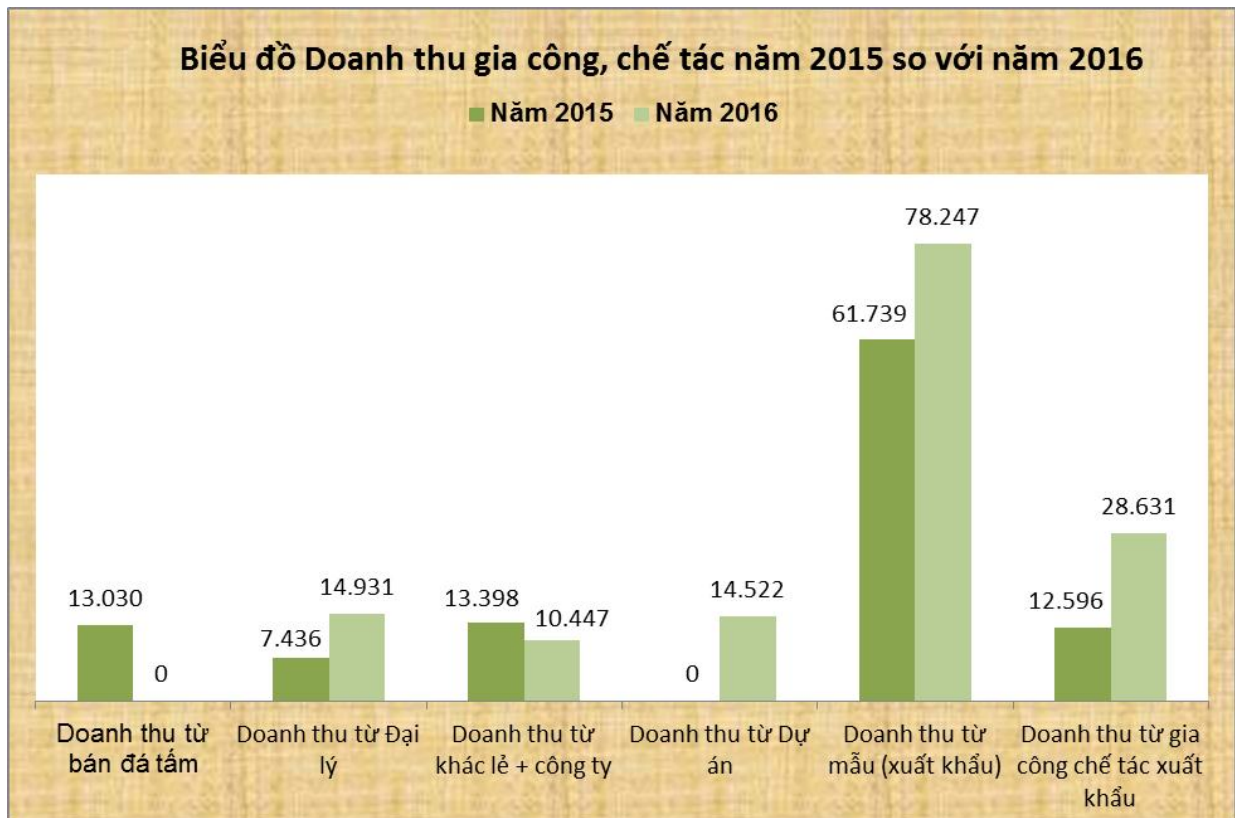
TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng trưởng
1	Tổng giá trị tài sản	115.233	165.020	43,21%
2	Tổng doanh thu	111.732	152.641	36,61%
2.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.160	149.613	37,06%
a	Doanh thu từ hàng hóa + khác	13.030	2.835	-78,24%
b	Doanh thu từ gia công, chế tác	95.169	146.778	55,38%
	<i>Doanh thu từ Đại lý</i>	<i>7.436</i>	<i>14.931</i>	<i>100,79%</i>
	<i>Doanh thu từ khác lẻ + công ty</i>	<i>13.398</i>	<i>10.447</i>	<i>-22,03%</i>
	<i>Doanh thu từ Dự án</i>	<i>0</i>	<i>14.522</i>	
	<i>Doanh thu từ mẫu (xuất khẩu)</i>	<i>61.739</i>	<i>78.247</i>	<i>26,74%</i>
	<i>Doanh thu từ gia công chế tác xuất khẩu</i>	<i>12.596</i>	<i>28.631</i>	<i>127,30%</i>
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính + Doanh thu khác	2.572	3.028	17,73%
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	22.028	28.377	28,82%
4	Lợi nhuận khác	64	65	1,56%
5	Lợi nhuận trước thuế	22.015	28.391	28,96%
6	Lợi nhuận sau thuế	21.229	25.697	21,05%
7	Số lao động bình quân năm (người)	152	176	15,79%
8	Thu nhập bình quân	8,794	10,470	19,06%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán của STV)

* **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng 40.453 triệu đồng (37,06%) so với năm 2015 do: Doanh thu gia công chế tác trong nước tăng 52.705 triệu đồng (tăng trưởng 55,38%) so với năm 2015, cụ thể như sau :

- Doanh thu sản xuất gia công, chế tác mẫu tăng 16.508 triệu đồng (tăng 26,74%)
- Doanh thu thành phẩm gia công chế tác xuất khẩu (Cut to size) tăng 16.035 triệu đồng (tăng 127,30%)

- Doanh thu chế tác cho các đại lý tăng 7.495 triệu đồng (tăng 100,79%)
- Tuy nhiên, Doanh thu từ gia công, chế tác các đơn hàng trong nước cho các công ty xây dựng, nội thất, kiến trúc . . . và khách lẻ giảm nhưng không đáng kể 22,03% (2.951 triệu đồng) nguyên nhân là một số Công ty xây dựng, nội thất . . . đã trở thành Đại lý của Công ty.



- * **Doanh thu hoạt động tài chính** tăng 397 triệu đồng (13,39 %) đây là khoản cho SSC vay
- * **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** năm 2016 tăng 4.468 triệu đồng (17,39%) so năm 2015 do doanh thu bán hàng gia công, chế tác tăng cao; doanh thu hoạt động tài chính tăng, giá thành sản xuất cũng như chi phí quản lý, chi phí bán hàng giảm (tỷ trọng trên doanh thu giảm).
- * **Thu nhập bình quân** của người lao động trong Công ty được cải thiện tăng hơn so với năm 2015 với mức tăng trưởng 19,06 % (tăng 1.676.000 đồng/tháng/người), nguyên nhân là năm 2016 Công ty đã khuyến khích động viên cho CBCNV với việc chi 09 tháng từ quỹ khen thưởng và bổ sung lương nhân dịp các ngày lễ tết (tết âm lịch + ngày 30/04-1/5; Nghỉ mát tháng 6; ngày quốc khánh 2/9; ngày thành lập Tập đoàn 20/10; ngày tết dương lịch 31/12); đồng thời đã áp dụng quy chế khoán lương sản phẩm cho phân xưởng sản xuất.

❖ **Cơ cấu chi phí hoạt động SXKD qua các năm, tỷ trọng trên tổng doanh thu**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
	Tổng doanh thu	111.731.763.690		152.641.008.076	
	<i>Doanh thu đã tầm</i>	<i>13.030.190.278</i>		<i>0</i>	
	<i>Doanh thu gia công, chế tác + khác</i>	<i>98.701.573.412</i>		<i>152.641.080.076</i>	
1	Giá vốn hàng bán	81.340.323.219	72,80%	113.207.960.456	74,17%
	<i>Giá vốn đã tầm (hàng hóa)</i>	<i>12.665.837.192</i>	<i>97,20%</i>		
	<i>Giá vốn gia công, chế tác và khác</i>	<i>68.674.486.027</i>	<i>69,58%</i>	<i>113.207.960.456</i>	<i>74,17%</i>
2	Chi phí bán hàng	1.806.928.421	1,62%	2.744.307.728	1,80%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.442.744.194	5,77%	8.246.123.167	5,40%
4	Chi phí tài chính	107.799.390	0,10%	231.617	0,0002%
5	Chi phí khác	18.736.375	0,02%	51.595.029	0,03%
	Tổng chi phí	89.716.531.599	80,30%	124.250.217.997	81,40%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán của STV)

* **Giá vốn hàng bán** tăng 31.868 triệu đồng, do doanh thu tăng 40.910 triệu đồng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng tương ứng theo tỷ lệ doanh thu ;

* **Chi phí bán hàng** năm 2016 tăng 937 triệu đồng so với năm 2015 (nhưng chỉ tăng 0,18% tỷ lệ % chi phí bán hàng trên tổng doanh thu). Nguyên nhân chính là khoản chi phí lương nhân viên tăng 758 triệu đồng và chi phí vật tư, bao bì cho nhân viên bán hàng và chi phí khác tăng 179 triệu đồng.

* **Chi phí quản lý** trong năm 2016 tăng (1.803 triệu đồng) nhưng Công ty lại xét cả trên khía cạnh tỷ trọng giữa chi phí quản lý trên doanh thu thì lại giảm hơn so với năm 2015 là 0,37%, do doanh thu gia công, chế tác tăng cao nhưng các chi phí khác lại không tăng tương ứng theo tỷ lệ. Nguyên nhân tăng chi phí là do chi phí chi trả lương cho nhân viên tăng (855 triệu đồng); chi phí khấu hao TSCĐ tăng 624 triệu đồng đây là phần chi phí Công ty đầu tư

mua xe 47 chỗ phục vụ cho CBCNV đi làm và phần đầu tư nâng cấp văn phòng công ty. Ngoài ra còn chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng 320 triệu.

* **Chi phí hoạt động tài chính** năm 2016 giảm 107 triệu đồng đây là khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của năm 2015 (53 triệu đồng) và chi phí lãi vay (54 triệu đồng).

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

✓ Khó khăn, hạn chế

- Công tác phát triển thị trường đang trong quá trình thúc đẩy, xúc tiến ban đầu, sản phẩm của Công ty chưa được quảng bá rộng rãi trên thị trường Việt Nam nên chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến.

- Công tác phát triển các đại lý chưa đạt hiệu quả cao. Hiện tại chỉ một số đại lý kinh doanh mang lại hiệu quả còn lại hầu như chỉ mang tính chất quảng cáo các sản phẩm của Công ty mà chưa có được hiệu quả kinh doanh.

- Công tác thâm nhập vào thị trường là các dự án xây dựng chung cư, toà nhà cao tầng còn hạn chế.

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ nguyên liệu là vật liệu cao cấp của Công ty CP đá thạch anh cao cấp VCS, Công ty CP Style stone nên giá thành của sản phẩm tương đối cao so với sản phẩm cùng loại được chế tác từ đá tự nhiên, đá nhân tạo của Trung Quốc do đó đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tại thị trường trong nước.

✓ Thuận lợi:

- Bộ máy quản lý của Công ty đã từng bước được kiện toàn, nhân sự được sắp xếp lại bằng việc bổ sung những cán bộ mới trẻ vào các vị trí quản lý chủ chốt, ổn định về nhân sự giúp cho Công ty hoạt động tốt và hiệu quả hơn

- Sản phẩm của Công ty được gia công, chế tác từ đá thạch anh cao cấp mang thương hiệu VICOSTONE đã có mặt trên 40 quốc gia và tại cả 05 châu lục trên Thế giới.

- Sản phẩm có nhiều ưu điểm vượt trội trong ứng dụng nội thất, đặc biệt bàn bếp.

- Công ty đã tập trung mọi biện pháp, phát huy tối đa nội lực, tận dụng thời cơ kinh doanh nhằm ổn định sản xuất, tạo đà phát triển cho doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vật liệu trong và ngoài nước.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Tình hình thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được thể hiện với một số chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016			Tỷ lệ % tăng trưởng so với năm 2015
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % đạt TT/KH	
1	Tổng Doanh thu	Tr đồng	111.732	139.584	152.641	9,35%	36,61%
	<i>Gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>98.702</i>	<i>139.584</i>	<i>152.641</i>	9,35%	54,65%
	<i>Bán sản phẩm đá tấm</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>13.030</i>	<i>0</i>			%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	22.015	22.883	28.391	24,07%	28,96%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân	Tr đồng	100.409	116.306	116.549	0,21%	16,07%
4	Số lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	152	180	176	- 2,22%	15,79%
5	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	8.794	9.969	10.470	5,03%	19,06%

Nhìn từ các chỉ tiêu cơ bản được tổng hợp trong bảng trên, Công ty CP chế tác đá Việt Nam đã hoàn thành vượt kế hoạch đã đề ra. Đây cũng là kết quả tốt cho chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Tổng doanh thu tăng 13.057 triệu đồng (9,35%) so với kế hoạch năm 2016 và tăng 36,61% (40.909 triệu đồng) hơn so với năm 2015. Trong đó doanh thu gia công, chế tác tăng 54,65% (53.939 triệu đồng) so với năm 2015;

- Lợi nhuận trước thuế tăng 5.508 triệu đồng (24,07%) so với kế hoạch năm 2016, đồng thời cũng tăng 6.376 triệu đồng (28,96%) so với thực hiện năm 2015;

- Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2016 tăng 16,07% (16.140 triệu đồng) so với năm 2015;

- Đời sống cho người lao động ngày càng được quan tâm cả về chất lượng cũng như giá trị sống, thu nhập bình quân người/tháng tăng cao 19,96% (1.676.000 đồng /người/tháng) so với năm 2015 và tăng 5,03% (501.000 đồng/người/tháng) so với kế hoạch 2016 đặt ra.

Trong năm 2016 Ban Giám đốc Công ty luôn chú trọng các giải pháp nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí; hoạt động đầu tư và phát triển nguồn nhân lực. Nhiều chỉ tiêu cơ bản tăng trưởng ấn tượng cao hơn cả kế hoạch đặt ra như :

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Ông Lưu Công An

Ủy viên HĐQT – Giám đốc

Ông Ninh Quốc Cường

Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc

Bà Trần Thị Đức Hạnh

Kế toán trưởng

Ông Lưu Công An - Ủy viên HĐQT/ Giám đốc công ty

Ngày tháng năm sinh	15/07/1965
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư động lực
Quá trình công tác	
Từ năm 2000 - 10/2004	Phó phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công.
Từ tháng 10/2004 - 11/2004	Trưởng phòng Kỹ thuật CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 12/2004 - 04/2005	Quản đốc Phân xưởng Bretonstone CTCP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 05/2005 – 02/2007	Phó Giám đốc – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 03/2007 – 08/2015	Ủy viên HĐQT Công ty CP Vicostone
Từ tháng 03/2007 đến nay	Phó TGD Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS
Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phương Hoàng Xanh A&A
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	- Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phương Hoàng Xanh A&A - Phó TGD Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Ủy viên HĐQT Công ty CP Style Stone

Ông Ninh Quốc Cường - Ủy viên HĐQT / Phó Giám đốc công ty

Ngày tháng năm sinh	06/02/1962
Trình độ chuyên môn	Công nhân mọt bậc 7/7
Quá trình công tác	
Từ tháng 06/2003 - 04/2008	Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty VINADECOR
Từ tháng 05/2008 – 09/2009	Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng Ban quản lý dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công ty Chế tác đá Việt Nam
Từ tháng 10/2009 – 08/2012	Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty Chế tác đá Việt Nam
Từ tháng 09/2012 – đến nay	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	Không

Bà Trần Thị Đức Hạnh – Kế toán trưởng Công ty

Ngày tháng năm sinh	23/02/1974
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Từ 1/1996 –11/2005	Kế toán Trung tâm KHCN môi trường Giao thông – Trường Đại học GTGT
Từ 12/2005 –7/2008	Kế toán Phòng Tài chính – Kế hoạch Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
8/2008 –10/2011	Phó trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
11/2011 – đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không

2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**a. Hội đồng quản trị**

- Phê chuẩn việc xin từ nhiệm chức vụ ủy viên Hội đồng quản trị và tư cách thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Minh Hồng theo Nghị quyết số 18/2016/NQ/STV-HĐQT ngày 06/09/2016 của Hội đồng quản trị.
- Phê chuẩn kết quả bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị của Ông Lưu Công An theo Nghị quyết số 18/2016/NQ/STV-HĐQT ngày 06/09/2016 của Hội đồng quản trị.

b. Ban Giám đốc

- Phê chuẩn việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Minh Hồng theo Nghị quyết số 19/2016/NQ/STV-HĐQT ngày 06/09/2016 của Hội đồng quản trị.
- Phê chuẩn việc bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Lưu Công An theo Nghị quyết số 19/2016/NQ/STV-HĐQT ngày 06/09/2016 của Hội đồng quản trị.

c. Ban kiểm soát: Trong năm 2016 không có sự thay đổi.

d. Kế toán trưởng: Trong năm 2016 không có sự thay đổi

Việc thay đổi nhân sự chủ chốt (*thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc*) đã được Công ty công bố trên website của Công ty tại địa chỉ www.stonevietnam.com và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kịp thời, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2016 tổng số lao động của Công ty Stone Vietnam có 176 người (bao gồm cả lao động thời vụ), trong đó lao động nam là 121 người chiếm 68,75%, lao động nữ 50 người chiếm 31,25%. Cơ cấu lao động được phân theo trình độ như sau:

TT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sỹ	01	0,56
2	Đại học	39	22,15
3	Cao đẳng và trung cấp	34	19,31
4	Công nhân kỹ thuật	80	45,48
5	Lao động phổ thông	22	12,5
Tổng cộng		176	100,00

✓ Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

+ Năm 2014: 8.238.000 đồng/người/tháng

+ Năm 2015: 8.794.000 đồng/người/tháng

+ Năm 2016: 10.470.000 đồng/người/tháng

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 3, chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản... đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ kịp thời cho người lao động.

- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ... thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

✓ Chuẩn bị đội ngũ kế thừa, đảm bảo sự tiếp nối vững chắc giữa các thế hệ cán bộ công nhân viên nói chung và các cấp quản trị nói riêng.

✓ Tuyển dụng thêm kỹ sư, cử nhân, công nhân có trình độ, đào tạo lại và đào tạo bồi dưỡng thêm trình độ chuyên môn, tay nghề cán bộ công nhân viên đảm bảo nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 01/04/2016 đã thông qua kế hoạch đầu tư năm 2016 với tổng mức đầu tư là 15,5 tỷ đồng gồm những hạng mục dự án chính sau:

- ✓ Đầu tư một số máy móc thiết bị cho phân xưởng : 2,6 tỷ (đồng) gồm những máy móc thiết bị sau :

TT	Nội dung	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
1	Máy mài bóng đá (mài 02 cạnh)	04	867	
2	Máy cắt lỗ chấu	01	116	
3	Thiết bị nâng chân không	01	44	
4	Máy quấn màng Pallet	01	90	
5	Máy khoan cầm tay	01	52	
6	Máy sấy khí	01	85	
7	Hệ thống băng tải	02	70	
8	Xe nâng hàng	01	685	
9	Hệ thống hút lọc bụi	01	175	
10	Hệ thống camera và mạng Wifi	01	335	
	✓ Ngoài ra còn mua một số máy móc thiết bị cầm tay cũng như nâng cấp máy móc thiết bị hiện có khác để phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất của Công ty			

- ✓ Dự án đầu tư hệ thống PCCC : 0,5 tỷ đồng ;
- ✓ Dự án đầu tư xây dựng trụ cổng, hàng rào, cổng chính và nhà để xe cho CBCNV : 2,5 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt : 0,6 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư khu tập kết vật tư, khu chứa Bavaria : 1,0 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư mua 06 máy cắt cầu : 3,8 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư mua 01 máy mài nằm ngang : 3,0 tỷ đồng
- ✓ Sửa chữa, cải tạo một số công trình như : nhà điều hành, nhà vệ sinh, lắp đặt cửa nhựa lõi thép và một số hệ thống phụ trợ khác : 1,5 tỷ đồng

Việc thực hiện mua sắm máy móc thiết bị được thực hiện theo đúng quy trình, quy phạm, đáp ứng được tiến độ, chất lượng và hiệu quả trong quá trình đầu tư.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết : Không có**4. Tình hình tài chính****4.1 Tình hình tài chính**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr đồng	115.233	165.020	43,21 %
2	Tổng Doanh thu	Tr đồng	111.732	152.641	36,61 %
	<i>Gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>98.702</i>	<i>152.641</i>	<i>54,65 %</i>
	<i>Bán sản phẩm đá tằm</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>13.030</i>	<i>0</i>	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	22.015	28.391	28,96 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	21.229	25.697	21,05 %
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm	đồng	3.015	3.650	21,06 %
6	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	8.794	10.470	19,06 %

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Công thức tính	Năm 2015	Năm 2016	% thay đổi
1. Các hệ số thanh toán				
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (lần)	Tổng tài sản/Tổng Nợ phải trả	16,58	4,10	- 75,24%
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	Tài sản ngắn hạn/Tổng Nợ ngắn hạn	12,77	3,29	- 74,11%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Tổng Nợ ngắn hạn	9,65	0,47	- 95,13%
2. Các hệ số cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,060	0,244	303,94%
Hệ số Nợ/ Vốn CSH	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,064	0,322	401,84%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,937	1,681	- 42,76%
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu	12,883	25,547	98,30%
Vòng quay vốn chủ sở hữu (vòng)	Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	1,008	1,199	18,91%

Doanh thu thuần/Tổng tài sản (vòng)	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,947	0,907	- 4,29%
4. Tỷ suất sinh lời				
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	LNST/Doanh thu thuần	19,45%	17,18%	- 11,68%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	21,14%	22,05%	4,28%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	LNST/Tổng tài sản bình quân	19,81%	18,34%	- 7,43%
Thu nhập trên cổ phần (đồng)		3.015	3.650	21,06%
Giá trị sổ sách (đồng)		16.626	19.165	15,27%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán của STV)

- Các chỉ số ROAE năm 2016 cao hơn năm 2015 thể hiện hiệu quả sử dụng đồng vốn tăng lên đáng kể.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2016 là 0,47 lần, thấp hơn so với năm 2015 do "Tài sản ngắn hạn" - "Hàng tồn kho" tăng 91.742 triệu đồng trong khi Nợ ngắn hạn tăng 33.254 triệu đồng

- Các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh đều giảm làm cho Công ty không chủ động về tình hình tài chính và khả năng thanh toán.

- Thu nhập trên cổ phiếu năm 2016 tăng 21,06% (635 đồng) so với năm 2015 do lợi nhuận sau thuế tăng 4.468 triệu đồng.

- Giá trị sổ sách năm 2016 tăng so với năm 2015 với giá trị tuyệt đối là : 16.536 triệu đồng

- Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu năm 2016 tăng 2.539 đồng so với năm 2015 nguyên nhân là do : lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động SXKD năm 2016 28.335 triệu đồng; giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trả cổ tức (6.512 triệu đồng); giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1.592 triệu đồng) và quỹ đầu tư phát triển (1.543 triệu đồng)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **6.512.750** cổ phần

Trong đó : - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : **6.512.750** cổ phần

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : **0** cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 31/12/2016)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần đá thạch anh cao cấp VCS	Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	2.044.800	31,40%
2	Công ty Cổ phần Phương Hoàng xanh A&A	Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, VN	3.292.350	50,55%
Tổng			5.337.150	81,95%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2016)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần đá thạch anh cao cấp VCS	Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	2.044.800	31.40%
2	Phạm Minh Hùng	Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	200.000	3.07%
3	Phạm Trí Dũng	Hải Hậu - Nam Định	8.100	0.12%
Tổng			2.252.900	34,59%

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2016 (theo danh sách chốt ngày 30/09/2016)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	2.252.900	22.529.000.000	34,59%
2	Cổ đông phổ thông khác	4.259.850	42.598.500.000	65,41%
Tổng		6.512.750	65.127.500.000	100,00%
1	Cổ đông trong nước	6.508.150	65.081.500.000	99,929%
2	Cổ đông nước ngoài	4.600	46.000.000	0,071%
Tổng		6.512.750	65.127.500.000	100,00%
1	Cổ đông pháp nhân	5.337.250	53.372.500.000	81,95%
2	Cổ đông thể nhân	1.175.500	11.755.000.000	18,05%
Tổng		6.512.750	65.127.500.000	100,00%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông khác	6.512.750	65.127.500.000	100,00%
Tổng		6.512.750	65.127.500.000	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

5.5 Các chứng khoán khác : Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và năm 2016

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	115.233	165.020
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	108,28	124.815
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	Triệu đồng	<i>65.127</i>	<i>65.127</i>
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	111,732	152.641
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22,015	28.391
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	21,229	25.697
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	21,14	22,05
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	19,81	18,34
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu lưu hành bình quân (EPS)	VNĐ	3.015	3.650
9	Lao động & Tiền lương			
9.1	<i>Lao động có đến cuối kỳ báo cáo</i>	<i>Người</i>	<i>152</i>	<i>176</i>
9.2	<i>Thu nhập bình quân người/tháng</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>8.794</i>	<i>10.470</i>

Trong năm 2016 Ban Giám đốc Công ty luôn chú trọng các giải pháp nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí; hoạt động đầu tư và phát triển nguồn nhân lực. Nhiều chỉ tiêu cơ bản tăng trưởng ấn tượng cao hơn cả kế hoạch đặt ra như :

+ Doanh thu gia công, chế tác tăng 9,35% (13.057 triệu đồng) so với kế hoạch đặt ra năm 2016 và tăng 54,65% (53.939 triệu đồng) so với năm 2015

+ Lợi nhuận trước thuế tăng 5.508 triệu đồng (24,07%) so với kế hoạch năm 2016, đồng thời cũng tăng 6.376 triệu đồng (28,96%) so với thực hiện năm 2015.

+ Đòi sống cho người lao động ngày càng được quan tâm cả về chất lượng cũng như giá trị sống, thu nhập bình quân người/tháng tăng cao 19,06% (1.676.000 đồng /người/tháng) so với năm 2015 và tăng 5,03% (501.000 đồng/người/tháng) so với kế hoạch 2016 đặt ra.

Kết thúc năm 2016, Công ty đã hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 01 tháng 04 năm 2016; dưới sự chỉ đạo Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc công ty đã thực hiện một số giải pháp điều hành như sau:

+ Kiểm soát, theo dõi và dự báo các diễn biến về giá nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, dịch vụ mua ngoài để từ đó quyết định số lượng và thời điểm mua nguyên liệu hợp lý, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh với giá mua tốt nhất và chất lượng phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng của giá nhằm tiết giảm chi phí đầu vào cho Công ty.

+ Rà soát lại định mức nguyên liệu, công cụ dụng cụ sản xuất, đơn giá và năng suất gia công và kiểm tra việc thực hiện định mức hàng tháng, quý, bán niên để điều chỉnh, hoàn thiện kịp thời. Xây dựng các cơ chế khen thưởng phù hợp nhằm khuyến khích các phòng ban, cá nhân nỗ lực tìm tòi, đưa ra những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hạ giá thành.

+ Thường xuyên đánh giá hạn mức công nợ, phân loại; theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ để hạn chế tối đa nợ phải thu quá hạn và giảm thiểu rủi ro nợ phải thu.

+ Nâng tầm thương hiệu bằng việc tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước về vật liệu xây dựng.

+ Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

+ Đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất, tạo điều kiện để tăng sản lượng bán hàng.

+ Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đào tạo nội bộ, đào tạo kỹ năng và đánh giá định kỳ . . .

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

❖ **Tình hình tài sản**

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	62.390.959.534	37.178.000.383	25.212.959.150
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	34.855.619.743	20.894.690.194	13.960.929.548
2	Máy móc thiết bị	21.229.742.333	13.767.098.543	7.462.643.790
3	Phương tiện vận tải	5.833.463.330	2.414.688.637	3.418.774.693
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	472.134.128	101.523.009	370.611.119
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	Cộng	62.390.959.534	37.178.000.383	25.212.959.150

❖ **Trích khấu hao TSCĐ**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 11
Máy móc thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

❖ **Vốn điều lệ và vốn kinh doanh**

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Vốn điều lệ	65.127.500.000	65.127.500.000	65.127.500.000
Vốn chủ sở hữu	92.534.688.951	108.282.571.036	124.814.690.867

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

❖ **Các khoản phải thu**

TT	Nội dung	31/12/2015	31/12/2016	% thay đổi
1	Phải thu của khách hàng	7.601.656.731	6.555.327.742	- 13,76%
2	Trả trước cho người bán	1.292.653.495	3.152.391.553	143,87%
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn			
4	Các khoản phải thu khác	95.000.000	38.290.715	- 59,69%
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- 3.135.043.385	3.887.706.486	24,01%
	Tổng cộng	5.854.266.841	5.858.303.525	- 0,07%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của STV)

❖ *Các khoản phải trả*

TT	Nội dung	31/12/2015	31/12/2016	% thay đổi
I	Nợ ngắn hạn	6.950.318.748	40.204.960.134	478,46%
1	Phải trả người bán	215.729.461	36.670.354.022	16.898,31%
2	Người mua trả tiền trước	745.504.988	131.641.799	- 82,34%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	436.375.113	735.696.745	68,59%
4	Phải trả người lao động	296.722.549	1.978.297.569	566,72%
5	Chi phí phải trả	40.000.000	44.000.000	10%
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.026.696.136	530.108.974	- 86,84%
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.189.290.501	114.861.025	- 90,34%
II	Nợ dài hạn	-	-	
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	
	Tổng cộng	6.950.318.748	40.204.960.134	478,46%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2016)

❖ *Tình hình dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 : Công ty không phải vay.***3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Nhà nước định hướng quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thì đá ốp lát là một trong những vật liệu xây dựng cơ bản đến năm 2020. Trên cơ sở đó Công ty đã đầu tư thiết bị máy móc hiện đại, tự động hoá trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, kích thước lớn, đa dạng về màu sắc và chủng loại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, cạnh tranh với một số sản phẩm đá ốp lát nhập khẩu từ nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác thị trường, quảng bá sản phẩm để thâm nhập thị trường trong nước ở phân khúc trung và cao cấp, từng bước phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm chế tác gắn liền với lĩnh vực trang trí nội thất và hàng gia dụng liên quan thông qua các đại lý, công ty chuyên cung cấp nội thất và hàng gia dụng, tăng cường khảo sát, tiếp cận các dự án bất động sản để giới thiệu và cung cấp sản phẩm.

Công ty đã duy trì sự ổn định về cơ cấu, chính sách, quản lý đồng thời phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong tương lai Công ty sẽ chuyên nghiệp hóa quá trình sản xuất một cách khoa học và nghiêm túc để đảm bảo chất lượng ổn định theo tiêu chuẩn để trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực gia công, chế tác đá thạch anh cao cấp VICOSTONE với nhiệm vụ sau:

- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hoạt động của các máy móc thiết bị, đảm bảo sản xuất liên tục và an toàn;
- Tạo ra nhiều mẫu mã, sản phẩm mới tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;
- Quản lý tốt chất lượng vật tư đầu vào, thành phẩm đầu ra,
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần;
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí có hiệu quả, tiết giảm tối đa chi phí tiêu hao nguyên vật liệu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

** Hoạt động của công tác tổ chức – nhân sự và đào tạo*

- Để xây dựng thành công thương hiệu, tạo dựng uy tín của một doanh nghiệp, Công ty xác định được tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định, do vậy để đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao Công ty luôn chú trọng tạo ra môi trường lành mạnh và thuận lợi cho người lao động cảm thấy yên tâm, tin tưởng, được tôn trọng, có cơ hội học tập, đào tạo nâng cao trình độ và được thừa nhận thành quả đóng góp là một trong những điểm cốt yếu trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

- Trong năm 2016 Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo hoàn thiện Bộ máy quản lý và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đẩy mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, nhạy bén trước các điều kiện kinh tế của thị trường bằng các hoạt động như :

+ Tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao bổ sung cho các vị trí then chốt như Phân xưởng sản xuất, phòng Kinh doanh vật tư (Bổ nhiệm phó trưởng phòng KDVT, Kỹ sư dịch vụ service, kỹ sư quản lý máy móc thiết bị, nhân viên kinh doanh)

- Tổ chức thực hiện các đợt đào tạo nhân viên trong công ty nhằm nâng cao năng lực nhân lực hiện có đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của Công ty : Đào tạo kỹ năng mềm cho CBQL, đào tạo quản lý sản xuất, cải tiến liên tục theo chương trình Kaizen-5S

- Ngoài việc chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực thông qua các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ CBCNV. Bên cạnh đó, việc duy trì chính sách lương, thưởng hợp lý và công bằng sẽ là đòn bẩy kích thích tinh thần và thu hút nhân tài.

- Hoàn thiện Hệ thống văn bản pháp quy trong Công ty; quy định rõ ràng, cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban chuyên môn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thực tế, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị cụ thể.

Tổ chức lại cơ cấu các đơn vị cho phù hợp với tình hình sản xuất thực tế như điều chuyển bộ phận hoàn thiện mẫu, thành lập tổ Vật tư-Đóng hàng trực thuộc phòng KDVT.

Để đáp ứng yêu cầu về kinh doanh của Tập đoàn, tháng 11/2016 bộ phận lắp đặt và bán hàng chuyển sang phòng Bán hàng nội địa- Công ty CP đá thạch anh cao cấp VCS.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền sâu hơn cho các đơn vị trực thuộc nhằm tăng tính chủ động, trách nhiệm của các đơn vị.

- Thống kê sự thay đổi của nhân sự toàn Công ty năm 2016

TT	Chức danh	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm	Các Phòng Ban				
						TC-HC	TC-KT	KD-VT	PXSX	P.Q LCL
1	Ban lãnh đạo	3	1	1	3	2	1			
2	Trưởng phòng, Quản đốc PX	2		1	1				1	
3	Phó phòng	1	1		2	1		1		
4	Thạc sỹ	3		2	1	1				
5	Kỹ sư	8	8	2	14	1		4	8	1
6	Cử nhân	19	9	8	20	4	5	8	1	2
7	CĐ, TC, SC	5	2		7		1	4	2	
8	Công nhân trực tiếp	105	81	64	122	2		21	89	10
9	Công nhân gián tiếp	6			6	6				
Tổng hợp		152	102	78	176	17	7	38	101	13

****Hoạt động công tác Tài chính - Kế toán***

- Tổ chức ổn định được bộ máy kế toán, đào tạo nhân viên kế toán đảm bảo đáp ứng được công việc, hiện nay với yêu cầu từng phần hành kế toán mọi người đều làm việc độc lập được. Công tác quản lý tài chính được thực hiện đầy đủ nghiêm túc và đúng pháp luật, không vi phạm chế độ chính sách của Nhà nước về quản lý tài chính. Thực hiện ghi chép, phản ánh tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty thông qua các nghiệp vụ kinh tế..

- Về công tác hạch toán và Báo cáo Tài chính: Luôn cập nhật số liệu đầy đủ, chính xác, nên Báo cáo Tài chính được lập chính xác, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý

- Về công tác Quản trị chi phí: Năm 2016, Phòng TCKT đã phân công chuyển hẳn 01 nhân sự phụ trách công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất (rà soát các định mức về tiêu hao

NVL, năng suất lao động ở bộ phận, thực hiện kiểm soát lỗi từng đơn hàng, dự án). Mặc dù là vị trí mới nhưng Phòng đã có nhiều cố gắng và thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ phân công và đem lại một số hiệu quả tích cực theo yêu cầu quản trị của Ban Lãnh đạo (Kiểm soát chi phí cho từng công đoạn tốt hơn, nâng cao tỷ lệ thu hồi phôi, công tác kiểm soát định mức, năng suất sát với thực tế hơn...).

- Về nghiệp vụ Ngân hàng: Luôn đảm bảo nguồn vốn đầy đủ phục vụ nhu cầu SXKD, không phải vay vốn ngân hàng và không để xảy ra tình trạng phải ngừng SX do thiếu vốn. Việc quản lý tài chính, cơ cấu nguồn vốn khoa học đảm bảo hiệu quả tốt nhất, đồng thời tạo được uy tín và sự tin tưởng của các Ngân hàng nơi Công ty giao dịch.

Định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm các Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, chính xác, nộp đúng thời hạn cho CTCP Phương Hoàng Xanh A&A, Công ty CP đá thạch anh cao cấp VCS. Các chế độ báo cáo khác thực hiện đầy đủ - không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội..

- Hoàn thành tốt công tác kê khai và nộp ngân sách đúng thời hạn quy định.

- Trong 03 năm liên tục (từ năm 2012 đến năm 2014) Công ty luôn được Cục thuế Thành Phố Hà Nội tặng Giấy khen là đơn vị tiêu biểu chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. và năm 2015 được Tổng Cục Thuế tặng bằng khen là đơn vị tiêu biểu chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Số thuế nộp của năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	428.103.619	2.331.918.364	2.760.021.983	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu		671.521.064	671.521.064	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	- 545.059.810	2.693.697.365	1.451.148.726	697.488.829
Thuế thu nhập cá nhân	8.271.494	487.479.517	457.543.095	38.207.916
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	
Cộng	- 108.684.697	6.187.616.310	5.343.234.868	735.696.745

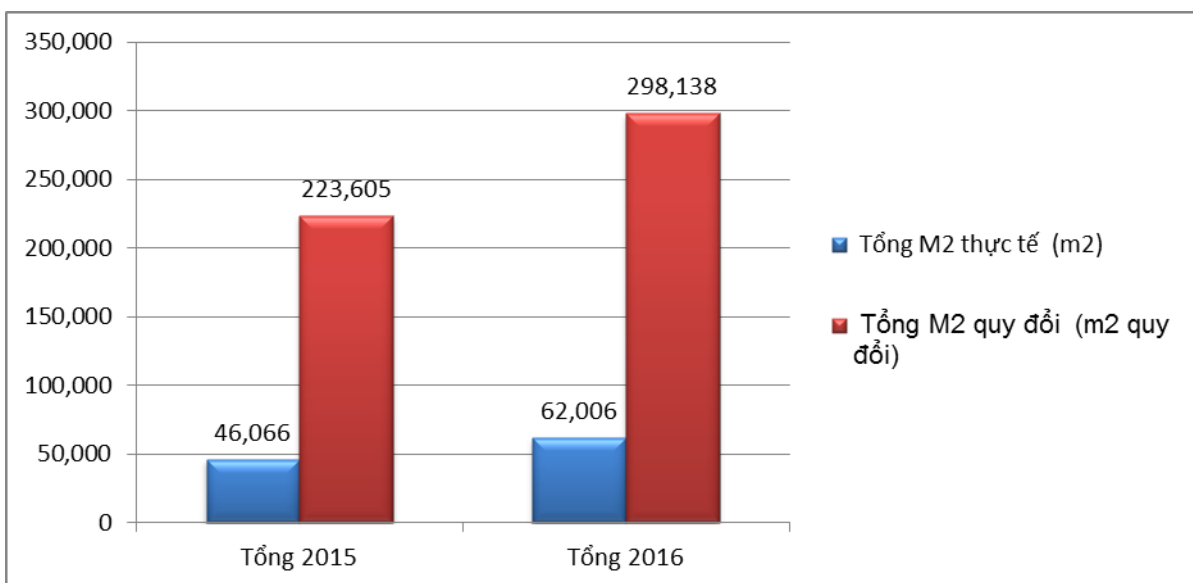
****Hoạt động về công tác điều hành sản xuất, kỹ thuật***

- Bảng so sánh tổng sản lượng năm 2016 với năm 2015:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Tổng 2015	Tổng 2016	Tăng/ giảm
1	Viên mẫu	(Viên)	2,608,156	3,643,165	140%
2	M2 mẫu	(m2)	31,705	36,361	115%
3	M cắt mẫu	(m cắt dài)	970,960	1,113,542	115%
4	Cuốn Binder	(cuốn)	23,776	18,957	80%
5	M2 quy đổi mẫu	(m2 quy đổi)	145,472	158,624	109%

6	M2 sản phẩm gia công chế tác	(m2)	14,362	25,645	179%
7	M2 QĐ sản phẩm gia công chế tác	(m2 quy đổi)	78,133	139,514	179%
8	M cắt sản phẩm gia công chế tác	(m cắt dài)	99,396	177,481	179%
9	Tổng m cắt	(m cắt dài)	1,139,680	1,291,023	113%
10	Tổng M2 thực tế	(m2)	46,066	62,006	135%
11	Tổng M2 quy đổi	(m2 quy đổi)	223,605	298,138	133%

Biểu đồ sản lượng:



- Tiếp đà tăng trưởng năm 2015 năm 2016 là năm tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng và doanh thu. Năm 2016 tăng sản lượng sản phẩm tổng thể 35% so với năm 2015. Được sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty và phương pháp quản lý 4M11E, sâu sát và quyết liệt và sự ủng hộ của CBCNV phân xưởng đã có 1 năm làm việc thành công với số liệu như sau:

- Sản lượng m2 mẫu năm 2016 tăng 15% so với năm 2015, sản lượng sản phẩm gia công chế tác tăng 79%.

- Nhân lực trung bình năm 2016 tăng 10% số người so với năm 2015 hiện tại phân xưởng đang có 100 nhân lực.

- Đầu tư thêm máy mài 2 cạnh giúp tăng năng suất sp mẫu 100x10x7, 100x100x20 lên 20%. Lắp đặt vận hành làm chủ thiết bị máy mài V9 giúp tăng năng suất gia công sản phẩm chế tác 30% so với 2015.

- Thiết lập các cuộc họp sản xuất đầu lô giúp kiểm soát và chuẩn bị tốt nhất cho quá trình sản xuất.

- Cuối năm sản xuất dự phòng mẫu để sẵn sàng cho năm 2017 với kế hoạch sản xuất kinh doanh đầy thách thức.

- Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng tuần/tháng cho phân xưởng sản xuất. Hàng tuần kiểm sát và đánh giá việc thực hiện.
- Bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch linh hoạt theo kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch mua phụ tùng thay thế tốt. Đào tạo công nhân bảo dưỡng sửa chữa chuyên nghiệp.
- Kiểm soát thường xuyên việc thực hiện các quy định an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Quản lý chất lượng đầu vào, thành phẩm đầu ra, kiểm soát các quá trình sản xuất một cách khoa học và nghiêm túc để đảm bảo chất lượng ổn định theo tiêu chuẩn.
- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hoạt động của các máy móc thiết bị, tiết giảm tối đa chi phí tiêu hao nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất liên tục và an toàn
- Triển khai công tác đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý cho Quản đốc phân xưởng và các trưởng đơn vị, đào tạo quản lý sản xuất cho trưởng ca, tổ trưởng sx, đào tạo quy trình sản xuất, hướng dẫn lắp đặt, các tiêu chuẩn, các hướng dẫn an toàn và văn hóa doanh nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

*** Hoạt động về Công tác Kế hoạch - Thị trường**

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chưa ổn định và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đặt ra kế hoạch tổng doanh thu năm 2016 của công ty phải đạt 139.584 triệu đồng tăng trưởng 25% so với năm 2015. Chính vì vậy ngay từ đầu năm Ban Lãnh đạo công ty đã đề ra các giải pháp cụ thể :

- Tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu nhất là những sản phẩm sản xuất gia công, chế tác bàn bếp, lavabo, bậu cửa cho các dự án (Cut to size) và sản xuất gia công, chế tác mẫu đá, binder với nhiều mẫu mã khác nhau đáp ứng được thị hiếu của khách hàng trên thế giới.

- Công ty nên kế hoạch chi tiết cho chiến lược phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm đá ốp lát nhân tạo trong và ngoài nước với tiêu chí “Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng” là ưu tiên hàng đầu và cũng là yếu tố quyết định và tồn tại, phát triển của Công ty. Chiến lược phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm bằng việc thiết lập hệ thống bán hàng qua các đại lý tại các thành phố lớn như TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh và các thành phố khác.

+ Định hướng nhóm khách hàng tiêu thụ để đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh.

+ Định kỳ xem xét và điều chỉnh các mục tiêu ngắn hạn trên nguyên tắc định hướng chiến lược dài hạn là không thay đổi;

+ Hoàn thiện công nghệ của riêng mình đảm bảo việc thực hiện đa dạng hoá trong chế tác các loại hình sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với điều kiện Việt nam phù hợp với mọi công trình nhà ở.

+ Thông qua các dự án bất động sản nhằm quảng bá sản phẩm, phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Nhờ sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cùng toàn thể các CBCNV trong Công ty, cộng với sự hỗ trợ từ phía Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A & A; Công ty CP đá thạch anh cao cấp VCS, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch cũng như tăng trưởng hơn so với năm 2015 về doanh thu bán hàng như sau :

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (triệu đồng)	Năm 2016 (triệu đồng)	Tăng trưởng
I	Doanh thu bán đá tấm	13.030	0	
II	Doanh thu bán hàng hóa+ khác	0	2.835	
III	Doanh thu gia công, chế tác	95.169	146.778	55,38%
1	Doanh thu đá mẫu xuất khẩu	61.739	78.247	26,74%
2	Doanh thu gia công, chế tác xuất khẩu	12.596	28.631	127,30%
3	Doanh thu gia công, chế tác trong nước	20.834	39.900	91,51%

*** Công tác chăm lo đời sống của người lao động; Công tác Đảng, đoàn thể**

- Năm 2016 nền kinh tế Việt Nam tuy đã có những dấu hiệu hồi phục, tuy nhiên vẫn còn có những khó khăn; Ban lãnh đạo công ty đã cố gắng duy trì và nâng cao đời sống của CBCNV Công ty. Thu nhập bình quân năm 2016 đạt 10.470.000 đồng/người/tháng, tăng 19,06% so với năm 2015.

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Công ty thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời cho 100% người lao động với tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN của năm 2016 là: 2.404.063.223 đồng. Chi trả chế độ chính sách cho cho 62 lượt người với tổng số tiền: 152.784.029 đồng.

- Thực hiện công tác cấp sổ và thẻ BHYT kịp thời cho CBCNV đảm bảo không có trường hợp nào không được hưởng chế độ chính sách.

- Tạo cơ hội tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được giành cho tất cả nhân viên. Công ty luôn quan tâm, chú trọng bồi dưỡng người lao động về kỹ năng công việc, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý ... tạo điều kiện tối đa để người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

- Khuyến khích động viên kịp thời cho CBCNV đạt các thành tích và danh hiệu năm 2015 với số tiền: 174.977.000 đồng

- Công tác xây dựng và phát triển Đảng được chú trọng, trong năm 2016, Chi bộ Công ty đã kết nạp mới 01 đồng chí, chuyển đảng chính thức cho 01 đảng viên.

- Các tổ chức đoàn thể: Phòng Tổ chức-Hành chính phối hợp với các tổ chức đoàn thể như: công đoàn, đoàn thanh niên thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tìm hiểu tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của người lao động.

- + Tổ chức tặng quà nhân ngày tết thiếu nhi (1/6), tết trung thu (15/8 âm lịch), tặng quà cho các cháu có thành tích xuất sắc trong học tập với tổng giá trị quà tặng là 65.850.000 đồng
- + Tổ chức tặng quà nhân ngày 8/3, 20/10 cho CBCNV nữ với giá trị quà tặng: 19.000.000 đồng
- + Kịp thời tổ chức thăm hỏi CBCNV khi ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ, tặng quà sinh nhật cho CBCNV (tổng giá trị quà tặng: 57.150.000 đồng)

*** Công tác đầu tư**

Công ty thực hiện đầu tư nhiều hạng mục với tổng mức đầu tư là 15,5 tỷ đồng được thực hiện từ nguồn vốn tự có; các hạng mục đầu tư chủ yếu tập chung cho khu vực phân xưởng sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất, an toàn về PCCC, bụi, mùi và tạo môi trường cảnh quan làm việc cũng như nâng cao chất lượng sống cho CBCNV trong Công ty, gồm những hạng mục dự án chính sau:

- Đầu tư một số máy móc thiết bị cho phân xưởng với tổng giá trị 2,6 tỷ đồng
- Dự án đầu tư hệ thống PCCC mức đầu tư là : 0,5 tỷ đồng
- Dự án đầu tư xây dựng trụ công, hàng rào, cổng chính và nhà để xe cho CBCNV mức đầu tư là : 2,5 tỷ đồng
- Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt giá trị : 0,6 tỷ đồng
- Dự án đầu tư khu tập kết vật tư, khu chứa Bavaria giá trị : 1,0 tỷ đồng
- Dự án đầu tư mua 06 máy cắt cầu giá trị : 3,8 tỷ đồng
- Dự án đầu tư mua 01 máy mài nằm ngang mức đầu tư là : 3 tỷ đồng
- Sửa chữa, cải tạo một số công trình như : nhà điều hành, thay cửa nhựa lõi thép, nhà vệ sinh và một số hệ thống phụ trợ khác mức đầu tư là : 1,52 tỷ đồng

Ngoài ra còn mua một số máy móc thiết bị cầm tay cũng như nâng cấp máy móc thiết bị hiện có khác để phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất của Công ty

Công tác đầu tư được thực hiện đúng theo quy trình, quy phạm và quy định của luật đầu tư và cũng như đáp ứng được tiến độ, chất lượng và hiệu quả trong đầu tư.

*** Công tác vệ sinh an toàn lao động**

- Công tác vệ sinh an toàn lao động trong Công ty luôn được chú trọng đặc biệt công tác cấp phát bảo hộ lao động luôn đầy đủ kịp thời, không để nguy cơ mất an toàn lao động xảy ra.

- Năm 2016 Công ty đã đầu tư và nâng cấp hệ thống hút bụi trong xưởng thủ công. Cải tạo nhà xưởng và trang bị một số thiết bị cần thiết để môi trường làm việc của CBCNV được tốt hơn so với năm trước rất nhiều, đầu tư các máy hút bụi phục vụ công tác lắp đặt tại công trình,

- Công tác vận chuyển rác thải trong công ty luôn thực hiện tốt, không để tồn đọng gây mất vệ sinh môi trường, phân loại và lưu giữ rác thải thông thường và rác thải nguy hại được tuân thủ nghiêm ngặt đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban Giám đốc của công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu của Hội đồng quản trị đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh và đạt được hiệu quả cao.

- Ban Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên Hội đồng quản trị đề đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và định hướng phát triển của Tập đoàn, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2017 như sau:

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Khoản mục	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch năm 2017	% tăng giảm
1	Doanh thu gia công chế tác và dịch vụ	149.613	180.658	20,75%
2	Lợi nhuận trước thuế	28.391	18.016	-36,54%
3	Lợi nhuận sau thuế	25.697	16.665	-35,15%
4	Vốn điều lệ	65.127,5	100.000	53,54%
5	Số lao động có đến cuối kỳ báo cáo	176	188	6,82%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	10.470	11.624	11,02%

Để hoàn thành các mục tiêu trên cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty. Ngoài ra, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính sau:

✓ *Tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường*

- Không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao kỹ năng chế tác và tăng cường sự kiểm soát để tạo ra các sản phẩm đẹp, chất lượng cao và ổn định thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng

- Tính toán chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động để tạo sự ra sự cạnh tranh về giá.

- Triển khai sản xuất khẩn trương, đúng tiến độ khi nhận được đơn hàng.

- Thực hiện tốt các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng. Thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng.

- Tạo ra một số sản phẩm thông dụng làm sẵn để bày bán tại các cửa hàng, Đại lý như mặt bàn, kệ...phù hợp về kiểu dáng kích thước để sử dụng trong gia đình, nhà hàng.

✓ *Trở thành nhà cung cấp có uy tín cho các dự án lớn, công trình trọng điểm*

- Thiết lập một bộ phận bán hàng dự án để tiếp cận với các dự án trong nước và thực hiện dự án một cách chuyên nghiệp, hiệu quả và kịp thời.

- Các chính sách chiết khấu hợp lý theo quy mô dự án.

- Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả mang lại từ các dự án để có điều chỉnh phù hợp.

✓ **Đẩy mạnh công tác làm hàng gia công chế tác cho các dự án xuất khẩu (Cut to size)**

Năm 2016 cho thấy sự hiệu quả của công tác bán hàng xuất khẩu dự án gia công, chế tác với doanh thu đạt 28.631 triệu đồng tăng 127,3% so với năm 2015 và kế hoạch doanh thu năm 2017 là 45.952 triệu đồng.

✓ **Phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục tuyển dụng nhân công có chất lượng cao phục vụ trước mắt và lâu dài
- Điều chỉnh, bố trí nhân lực phù hợp năng lực.
- Đào tạo nâng cao nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và phục vụ cho chiến lược phát triển công ty.
- Đầu tư trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác quản trị nguồn nhân lực như máy móc thiết bị, các phần mềm nhân sự....
- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn như : hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp, hệ thống SA8000 và biến chúng thành công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành Công ty.

✓ **Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần**

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc.
- Trả lương và có chính sách đãi ngộ tương xứng với cống hiến của người lao động.

✓ **Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả sử dụng phôi đá tấm**

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không tham gia điều hành, chi tiết như sau:

1. Ông Phạm Trí Dũng : Chủ tịch HĐQT (thành viên không điều hành)
2. Ông Lưu Công An : Ủy viên HĐQT - Giám đốc
3. Ông Ninh Quốc Cường : Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc
4. Ông Đỗ Quang Bình : Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)
5. Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc : Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

Ông Phạm Trí Dũng – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh	18/10/1971
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ tháng 08/2001 - 5/2004	Phó phòng Xuất khẩu lao động Công ty CP kinh doanh VINACONEX - VINATRA
Từ tháng 6/2004 – 01/2005	Trưởng phòng Kế hoạch thị trường Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex,
Từ tháng 2/2005 - 3/2007	Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex,
Từ tháng 3/2007 – 8/2015	Ủy viên HĐQT Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone
Từ tháng 8/2015 đến nay	- Phó Tổng Giám đốc CT CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Phụng Hoàng Xanh A&A
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT Công ty CP chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	- Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Phụng Hoàng Xanh A&A - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS

Ông Lưu Công An - Ủy viên HĐQT/ Giám đốc công ty – Đã được trình bày ở phần II mục 2.1 Danh sách Ban điều hành Công ty.

Ông Ninh Quốc Cường - Ủy viên HĐQT / Phó Giám đốc công ty – Đã được trình bày ở phần II mục 2.1 Danh sách Ban điều hành Công ty.

Ông Đỗ Quang Bình - Ủy viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	13/01/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật
Quá trình công tác	
Từ tháng 03/2010 - 11/2011	Trưởng phòng Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 11/2011 - 18/09/2013	Giám đốc Ban Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 09/2013 đến 8/2015	Giám đốc Ban pháp chế kiêm Trưởng phòng Quản trị Rủi ro Công ty CP Vicostone
Từ tháng 08/2015 - 03/2016	Trưởng phòng pháp chế Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS

	cấp VCS
Từ tháng 03/2016 đến nay	- Trưởng phòng pháp chế Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Chánh Văn phòng CTCP Phượng hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	- Chánh Văn phòng CTCP Phượng Hoàng Xanh A&A - Trưởng phòng pháp chế Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Style Stone

Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc - Ủy viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	12/03/1972
Trình độ chuyên môn	Cử Nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ tháng 9/1996 - 10/2014	Kế toán tổng hợp CTCP XNK chuyên gia Lao động và kỹ thuật.
Từ tháng 10/2014 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Công nghệ truyền thông đa chiều HTC
Từ ngày 04/08/2015 – 30/06/2016	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP VICOSTONE
Từ tháng 06/2016 đến nay	Ủy viên HĐQT CTCP Đá thạch anh cao cấp VCS
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	- Kế toán trưởng Công ty CP Công nghệ truyền thông đa chiều HTC - Ủy viên HĐQT CTCP Đá thạch anh cao cấp VCS

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hiện tại, hai thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là thành viên Ban Giám đốc (Ông Lưu Công An - Giám đốc; Ông Ninh Quốc Cường - Phó Giám đốc) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Giám đốc cho Hội đồng quản trị rất thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham gia thảo luận bàn bạc các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, Fax, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Giám đốc gửi các thành viên hàng tuần.

Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên HĐQT trong năm 2016:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp HĐQT vắng	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT	36	0	100%	
2	Ông Ninh Quốc Cường	UV HĐQT	36	0	100%	
3	Ông Đỗ Quang Bình	UV HĐQT	36	0	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Hồng	UV HĐQT	32	0	88,9%	Miễn nhiệm ngày 06/09/2016
5	Ông Lưu Công An	UV HĐQT	04	0	11,1%	Được bầu vào HĐQT 06/09/2016
6	Bà Nguyễn Thị Hoàn	UV HĐQT	13	0	36,1%	Miễn nhiệm ngày 01/04/2016
7	Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	UV HĐQT	21	2	58,3%	Được bầu vào HĐQT 01/04/2016 (02 buổi đi Công tác nước ngoài)

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ/STV-HĐQT	5/1/2016	Thông qua các hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa với Công ty CP Vicostone trong năm 2016
2	02/2016/NQ/STV-HĐQT	15/1/2016	Thông qua chủ trương cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh
3	03/2016/NQ/STV-HĐQT	25/1/2016	Thông qua các hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa với Công ty CP Phương Hoàng Xanh A&A
4	04/2016/NQ/STV-HĐQT	25/1/2016	Thông qua chủ trương cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh
5	05/2016/NQ/STV-HĐQT	28/1/2016	Thông qua chủ trương cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh
6	06/2016/NQ/STV-HĐQT	31/1/2016	Thông qua chủ trương cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh
7	07/2016/NQ/STV-HĐQT	24/2/2016	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và thanh toán cổ tức năm 2014 bằng tiền

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
8	08/2016/NQ/STV-HĐQT	28/2/2016	Bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty CP chế tác đá Việt Nam
9	09/2016/NQ/STV-HĐQT	3/3/2016	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư bổ sung thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh)
10	10/2016/NQ/STV-HĐQT	14/3/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khu tập kết vật tư
11	11B/2016/NQ/STV-HĐQT	14/3/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt kết cấu thép mái khu tập kết vật tư
12	11A/2016/NQ/STV-HĐQT	15/3/2016	Phê duyệt hồ sơ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
13	12/2016/NQ/STV-HĐQT	20/3/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thay thế mái tôn nhà điều hành
14	13/2016/NQ/STV-HĐQT	8/4/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu sơn cải tạo nhà điều hành Công ty
15	13A/2016/NQ/STV-HĐQT	15/4/2016	Phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán bổ sung gói thầu khu tập kết vật tư
16	13C/2016/NQ/STV-HĐQT	28/4/2016	Phê duyệt kết quả thương thảo hợp đồng các công việc các công việc theo thiết kế điều chỉnh bổ sung gói thầu xây dựng khu tập kết vật tư
17	13B/2016/NQ-HĐQT	20/5/2016	Phê duyệt điều chỉnh báo cáo KTKT đầu tư xây dựng một số hạng mục của Công ty
18	14/2015/NQ/STV-HĐQT	30/5/2016	Phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung 01 xe nâng hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
19	14A/2016/NQ-HĐQT	7/6/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khu chứa bavia
20	15/2016/NQ/STV-HĐQT	9/6/2016	Phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư bổ sung 01 xe nâng hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
21	15B/2016/NQ/STV-HĐQT	21/6/2016	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (báo cáo kinh tế kỹ thuật lắp đặt hệ thống PCCC nhà xưởng chính số 2 và nhà kho hóa chất)
22	11/2016/NQ/STV-HĐQT	22/6/2016	Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016
23	16/2016/NQ/STV-HĐQT	24/6/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp 01 xe nâng hàng 3,5 tấn chạy dầu diesel
24	16C/2016/NQ/STV-HĐQT	1/7/2016	Phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung 4 máy cắt cầu và 01 máy mài phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
25	16D/2016/NQ/STV-HĐQT	9/7/2016	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư bổ sung 01 máy cắt cầu và 01 máy mài phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
26	16E/2016/NQ/STV-HĐQT	20/7/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp 01 máy mài

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
27	16A/2016/NQ/STV-HĐQT	21/7/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cải tạo hệ thống thoát nước trong xưởng chế tác thủ công và hệ thống thoát nước mái các nhà xưởng của Công ty
28	16B/2016/NQ/STV-HĐQT	6/8/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cải tạo nhà vệ sinh của Công ty
29	16F/2016/NQ/STV-HĐQT	6/8/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp 02 máy cắt cầu (giai đoạn 1)
30	17/2016/NQ/STV-HĐQT	13/8/2016	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (báo cáo KTKT nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m ³ /ngày đêm
31	17A/2016/NQ-HĐQT	24/8/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa nhựa lõi thép
32	18/2016/ NQ/STV-HĐQT	6/9/2016	Bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
33	19/2016/NQ/HĐQT	6/9/2016	Thay đổi nhân sự Ban Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
34	20/2016/NQ-HĐQT	13/9/2016	Thay đổi nhân sự Ban Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
35	21/2016/NQ/STV-HĐQT	14/9/2016	Thanh toán cổ tức 2015 bằng tiền mặt
36	22/2016/NQ/STV-HĐQT	10/11/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt cửa nhựa lõi thép cho nhà điều hành, Văn phòng xưởng

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại trong Hội đồng quản trị có 03 thành viên độc lập, không điều hành là Ông Phạm Trí Dũng – chủ tịch HĐQT; Ông Đỗ Quang Bình – ủy viên HĐQT và Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc – ủy viên HĐQT đều là những người có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực về luật và lĩnh vực tài chính. Các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành Công ty đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược và kế hoạch hoạt động của Công ty.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Không có

2. Ban kiểm soát của Công ty

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Stone Vietnam có 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách như sau:

- 1. Ông Lương Xuân Mẫn : Trưởng ban Kiểm soát
- 2. Bà Trần Lan Phương : Thành viên Ban kiểm soát
- 3. Bà Nguyễn Phương Thúy : Thành viên Ban kiểm soát

Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:**Ông Lương Xuân Mẫn – Trưởng ban Kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh	20/7/1963
---------------------	-----------

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
---------------------	-----------------

Quá trình công tác

Từ tháng 9/2000 – 7/2002	Kế toán trưởng Công ty TNHH liên doanh bê tông và xây dựng An Xuân
--------------------------	--

Từ tháng 7/2002 – 6/2005	Kế toán trưởng Công ty CP VINACONEX 19
--------------------------	--

Từ tháng 6/2005 – 6/2009	Kế toán trưởng Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
--------------------------	--

Từ tháng 6/2009 – 07/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Công ty CP Vicostone; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
---------------------------	--

7/2015 đến 8/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Chế tác đá Việt Nam. - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone
-------------------	--

8/2015 đến 12/2015	- Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Vicostone. - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Chế tác đá Việt Nam. - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone
--------------------	--

12/2015 đến nay	- Ủy viên Hội đồng quản trị ; Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Chế tác đá Việt Nam. - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone
-----------------	--

Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
------------------	--

Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	- Ủy viên Hội đồng quản trị ; Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone
---------------------------------------	---

Bà Trần Lan Phương – Thành viên ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	04/10/1988
---------------------	------------

Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật kinh tế, cử nhân tài chính ngân hàng
---------------------	---

Quá trình công tác

Từ tháng 03/2010 - 11/2010	Nhân viên tư vấn CTCP Đào tạo và ứng dụng Aprotrain
Từ tháng 11/2010 - 03/2013	Nhân viên Ban Pháp chế đối ngoại – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 03/2013 - 10/2014	Phó chánh văn phòng, Trưởng ban thư ký Công ty CP Vicostone, Thành viên ban kiểm soát CTCP Chế tác đá Việt Nam
Từ tháng 10/2014 - 08/2015	- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Chánh văn phòng CTCP Phượng Hoàng Xanh A&A - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội - Trợ lý TGD CTCP VICOSTONE
8/2015 – đến nay	- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Thành viên Ban kiểm soát CT CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Giám đốc Ban nhân lực CTCP Phượng Hoàng Xanh A&A - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn quản lý dự án VPM - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn thiết kế Sitetech Toàn cầu
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	- Giám đốc Ban nhân lực Công ty CP Phượng hoàng xanh A&A - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP CP Đá thạch anh cao cấp VCS - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn quản lý dự án VPM - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn thiết kế Sitetech Toàn cầu

Bà Nguyễn Phương Thúy – Thành viên ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	28/12/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

01/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Công ty CP Vicostone; Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế
-----------------	--

tác đá Việt Nam

Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Công ty CP đá thạch anh cao cấp VCS

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016, Ban kiểm soát của Công ty đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của công ty theo các quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính quyết toán quý và bán niên và báo cáo tài chính quyết toán năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban Giám đốc trong việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán viên đưa ra.

- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

- Tham dự tất cả các cuộc họp định kỳ của HĐQT, tham gia các ý kiến, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Giám sát, góp ý cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch của Ban Giám đốc điều hành.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Số Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	01/2016/BB-BKS	23/03/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch năm 2016 - Kiểm soát báo cáo tài chính và kiểm soát các hoạt động chủ yếu của Công ty trong năm 2016 - Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
2	02/2016/BB-BKS	08/08/2016	Kiểm soát báo cáo tài chính bán niên và kiểm soát các hoạt động của Công ty 06 tháng đầu năm 2016

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao, các khoản lợi ích

STT	HỌ VÀ TÊN	Thu nhập từ thù lao	Thu nhập từ tiền lương, thưởng tiền công	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị	156.000.000	1.173.439.819	1.223.939.819
1	Phạm Trí Dũng	36.000.000		
2	Nguyễn Minh Hồng	20.500.000	559.053.405	579.553.405
3	Lưu Công An	9.500.000		
4	Ninh Quốc Cường	30.000.000	614.386.414	644.386.414
5	Đỗ Quang Bình	30.000.000		
6	Nguyễn Thị Hoàn	7.500.000		
7	Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	22.500.000		
II	Ban kiểm soát	78.000.000	0	0
8	Lương Xuân Mẫn	30.000.000		
9	Trần Lan Phương	24.000.000		
10	Nguyễn Phương Thúy	24.000.000		
III	Tổng cộng (I+II)	234.000.000	1.173.439.819	1.223.939.819

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: Không có

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ* : không có

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số tham chiếu: 61141842/18490118

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 20 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam*Đã ký**Đã ký*

Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Trần Thu Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2499-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2017

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Nội dung Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán được kèm theo)

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

1180
CÔNG
TINH
ST &
IẾT
HINH
HÀ
KIỂM

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 số 0500555916 vào ngày 12 tháng 1 năm 2010. Sau đó, Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch	
Ông Ninh Quốc Cường	Thành viên	
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2016
Ông Lưu Công An	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hoàn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Hồng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên
Bà Trần Lan Phương	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Công An	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Hồng	Giám đốc	miễn nhiệm ngày 7 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Hồng	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Hồng	Phó Giám đốc	miễn nhiệm ngày 13 tháng 9 năm 2016
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Trí Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Lưu Công An, Giám đốc Công ty, được Ông Phạm Trí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Ủy quyền số 07/09/UQ/STV ngày 7 tháng 9 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Giám đốc
Lưu Công An

Ngày 20 tháng 2 năm 2017

Số tham chiếu: 61141842/18490118

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1



Trần Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2499-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		132.300.652.415	88.351.326.271
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	5.840.143.214	60.614.503.986
111	1. Tiền		4.340.143.214	23.614.503.986
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.500.000.000	37.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.858.303.525	5.854.266.841
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	6.555.327.742	7.601.656.731
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	3.152.391.553	1.292.653.495
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		38.290.715	95.000.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(3.887.706.485)	(3.135.043.385)
140	III. Hàng tồn kho		113.414.308.882	21.253.456.113
141	1. Hàng tồn kho	6	113.414.308.882	21.253.456.113
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		7.187.896.794	629.099.331
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	71.338.031	84.039.521
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	12	7.116.558.763	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	545.059.810
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.718.998.586	26.881.563.513
220	I. Tài sản cố định		20.324.296.355	13.600.582.342
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	20.324.296.355	13.600.582.342
222	Nguyên giá		52.286.213.850	40.201.057.961
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.961.917.495)	(26.600.475.619)
230	II. Bất động sản đầu tư	8	4.888.662.796	5.421.811.727
231	1. Nguyên giá		10.104.745.684	9.712.109.320
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(5.216.082.888)	(4.290.297.593)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		413.150.962	1.281.133.832
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	9.1	5.363.277	424.679.128
242	2. Xây dựng cơ bản dở dang	9.2	407.787.685	856.454.704
260	IV. Tài sản dài hạn khác		7.092.888.473	6.578.035.612
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.092.888.473	6.578.035.612
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		165.019.651.001	115.232.889.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		40.204.960.134	6.950.318.748
310	I. Nợ ngắn hạn		40.204.960.134	6.950.318.748
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	36.670.354.022	215.729.461
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		131.641.799	745.504.988
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	735.696.745	436.375.113
314	4. Phải trả người lao động		1.978.297.569	296.722.549
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		44.000.000	40.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	530.108.974	4.026.696.136
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	114.861.025	1.189.290.501
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		124.814.690.867	108.282.571.036
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	124.814.690.867	108.282.571.036
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	15.2	65.127.500.000	65.127.500.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		65.127.500.000	65.127.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(60.050.000)	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.916.711.658	11.374.287.198
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.830.529.209	31.780.783.838
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.133.436.495	10.551.812.073
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		24.697.092.714	21.228.971.765
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		165.019.651.001	115.232.889.784

am

Thị



Người lập biểu
Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng
Trần Thị Đức Hạnh

Giám đốc
Lưu Công An

Ngày 20 tháng 2 năm 2017


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	149.613.061.026	109.159.590.430
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	149.613.061.026	109.159.590.430
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	113.207.960.456	81.340.323.219
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.405.100.570	27.819.267.211
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	2.962.828.925	2.566.210.510
22	7. Chi phí tài chính		231.617	107.799.390
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	54.166.667
25	8. Chi phí bán hàng	18	2.744.307.728	1.806.928.421
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	8.246.123.167	6.442.744.194
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.377.266.983	22.028.005.716
31	11. Thu nhập khác		65.118.125	5.962.750
32	12. Chi phí khác		51.595.029	18.736.375
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		13.523.096	(12.773.625)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.390.790.079	22.015.232.091
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	2.693.697.365	786.260.326
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.697.092.714	21.228.971.765
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	3.650	3.015
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	3.650	3.015


Người lập biểu
Phạm Thị Duyên


Kế toán trưởng
Trần Thị Đức Hạnh


Giám đốc
Lưu Công An



Ngày 20 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		28.390.790.079	22.015.232.091
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	7, 8	6.287.227.171	4.864.156.582
03	Các khoản dự phòng		752.663.100	1.098.768.112
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		231.617	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(2.962.634.501)	(2.517.913.123)
06	Chi phí lãi vay		-	54.166.667
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.468.277.466	25.514.410.329
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(7.328.198.737)	4.564.417.044
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(91.445.335.554)	12.454.855.574
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		37.976.898.294	(3.573.525.798)
12	Tăng chi phí trả trước		(502.151.371)	(6.017.661.095)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.2	(1.451.148.726)	(1.418.827.354)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		380.972.500	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.666.602.359)	(1.055.980.591)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(33.567.288.487)	30.467.688.109
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.887.255.169)	(2.982.069.526)
23	Tiền chi cho vay		(52.000.000.000)	(55.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		52.000.000.000	78.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay		2.962.634.501	3.275.724.235
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(10.924.620.668)	23.293.654.709

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	5.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(5.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.282.220.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.282.220.000)	-
50	(Giảm)/tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(54.774.129.155)	53.761.342.818
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		60.614.503.986	6.853.161.168
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(231.617)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	5.840.143.214	60.614.503.986

gm

DHS



Người lập biểu
Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng
Trần Thị Đức Hạnh

Giám đốc
Lưu Công An

Ngày 20 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 số 0500555916 vào ngày 12 tháng 1 năm 2010. Sau đó, Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 175 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 152 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Dịch vụ gia công dở dang và đã hoàn thành | - | chi phí lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 11 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 11 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	8 - 11 năm
-----------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 26 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ hoạt động gia công

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động gia công được hoàn thành thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa gia công.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu từ cho thuê hoạt động

Thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	72.515.743	31.045.585
Tiền gửi ngân hàng	4.267.627.471	23.583.458.401
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	37.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>5.840.143.214</u>	<u>60.614.503.986</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là những khoản tiền gửi ngân hàng bằng Việt Nam đồng có kỳ hạn dưới 3 tháng, hưởng lãi suất 4,3%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		
<i>Công ty Cổ phần TID</i>	1.396.067.957	1.396.067.957
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội</i>		
– <i>Chi nhánh Hà Tây</i>	1.244.760.345	1.422.341.269
<i>Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội</i>	1.178.951.610	1.178.951.610
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội</i>		
– <i>Chi nhánh Bắc Hà Nội</i>	113.833.710	379.445.700
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	2.621.714.120	3.224.850.195
TỔNG CỘNG	<u>6.555.327.742</u>	<u>7.601.656.731</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.887.706.485)	(3.135.043.385)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.890.114.400	1.292.653.495
<i>Marmo Meccanica S.P.A</i>	2.668.960.000	-
<i>Công ty Cổ phần Hưng Phát Hà Tây</i>	-	309.475.075
<i>Chi nhánh Giải Phóng - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải</i>	-	250.000.000
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ PCCC và Đầu tư Xây dựng Quang Minh</i>	-	236.000.000
<i>Công ty TNHH Công nghệ môi trường và Xây dựng Đại Thành</i>	-	195.200.000
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	221.154.400	301.978.420
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	262.277.153	-
TỔNG CỘNG	3.152.391.553	1.292.653.495

6. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	97.835.057.877	-	18.865.512.475	-
Công cụ, dụng cụ	1.924.419.462	-	1.033.947.601	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.174.486.788	-	782.166.150	-
Thành phẩm	12.480.344.755	-	571.829.887	-
TỔNG CỘNG	113.414.308.882	-	21.253.456.113	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá (Trình bày lại):					
Số đầu năm	21.352.629.646	16.078.541.857	2.536.788.785	233.097.673	40.201.057.961
Mua trong năm	3.398.244.413	5.151.200.476	3.296.674.545	239.036.455	12.085.155.889
Số cuối năm	24.750.874.059	21.229.742.333	5.833.463.330	472.134.128	52.286.213.850
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	9.186.863.689	1.868.901.512	55.097.673	11.110.862.874
Giá trị hao mòn lũy kế (Trình bày lại):					
Số đầu năm	13.525.023.861	11.330.137.818	1.682.623.026	62.690.914	26.600.475.619
Khấu hao trong năm	2.153.583.444	2.436.960.725	732.065.611	38.832.096	5.361.441.876
Số cuối năm	15.678.607.305	13.767.098.543	2.414.688.637	101.523.010	31.961.917.495
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	7.827.605.785	4.748.404.039	854.165.759	170.406.759	13.600.582.342
Số cuối năm	9.072.266.754	7.462.643.790	3.418.774.693	370.611.118	20.324.296.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND
Nhà xưởng

Nguyên giá:

Số đầu năm	9.712.109.320
Mua trong năm	392.636.364
Số cuối năm	<u>10.104.745.684</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	4.290.297.593
Khấu hao trong năm	925.785.295
Số cuối năm	<u>5.216.082.888</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>5.421.811.727</u>
Số cuối năm	<u>4.888.662.796</u>

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

9.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Dolphin	-	-	419.315.851	419.315.851
Dự án Nam Cường	5.363.277	5.363.277	5.363.277	5.363.277
TỔNG CỘNG	<u>5.363.277</u>	<u>5.363.277</u>	<u>424.679.128</u>	<u>424.679.128</u>

9.2 Xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hạng mục xây dựng công	-	856.454.704
Hạng mục khu tập kết vật tư	407.787.685	-
TỔNG CỘNG	<u>407.787.685</u>	<u>856.454.704</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	71.338.031	84.039.521
	<u>71.338.031</u>	<u>84.039.521</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất	5.654.098.485	5.895.098.485
Chi phí sửa chữa lớn	726.858.758	231.322.257
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	450.415.785	126.314.777
Chi phí trả trước dài hạn khác	261.515.445	325.300.093
	<u>7.092.888.473</u>	<u>6.578.035.612</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.164.226.504</u>	<u>6.662.075.133</u>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	290.387.235	290.387.235	215.729.461	215.729.461
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	<u>36.379.966.787</u>	<u>36.379.966.787</u>	-	-
TỔNG CỘNG	<u>36.670.354.022</u>	<u>36.670.354.022</u>	<u>215.729.461</u>	<u>215.729.461</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp/ (được khấu trừ) trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế TNDN (Thuyết minh số 20.2)	(545.059.810)	2.693.697.365	(1.451.148.726)	697.488.829
Thuế giá trị gia tăng	428.103.619	(4.182.640.640)	(3.362.021.742)	(7.116.558.763)
Thuế thu nhập cá nhân	8.271.494	487.479.517	(457.543.095)	38.207.916
TỔNG CỘNG	<u>(108.684.697)</u>	<u>(1.001.463.758)</u>	<u>(5.270.713.563)</u>	<u>(6.380.862.018)</u>
Trong đó:				
Thuế phải nộp	436.375.113			735.696.745
Thuế phải thu	545.059.810			7.116.558.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả ngắn hạn	519.152.500	3.907.650.000
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ	10.956.474	119.046.136
TỔNG CỘNG	<u>530.108.974</u>	<u>4.026.696.136</u>

14. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.189.290.501	671.831.412
Trích quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	2.592.172.883	1.573.439.680
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(3.666.602.359)</u>	<u>(1.055.980.591)</u>
Số cuối năm	<u>114.861.025</u>	<u>1.189.290.501</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước					
Số đầu năm	65.127.500.000	-	7.609.640.817	19.797.548.134	92.534.688.951
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	(1.573.439.680)	(1.573.439.680)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.764.646.381	(3.764.646.381)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014	-	-	-	(3.907.650.000)	(3.907.650.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.228.971.765	21.228.971.765
Số cuối năm	65.127.500.000	-	11.374.287.198	31.780.783.838	108.282.571.036
Năm nay					
Số đầu năm	65.127.500.000	-	11.374.287.198	31.780.783.838	108.282.571.036
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành Công ty (*)	-	-	-	(2.592.172.883)	(2.592.172.883)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	1.542.424.460	(1.542.424.460)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 (*)	-	-	-	(6.512.750.000)	(6.512.750.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	25.697.092.714	25.697.092.714
Giảm khác	-	(60.050.000)	-	-	(60.050.000)
Số cuối năm	65.127.500.000	(60.050.000)	12.916.711.658	46.830.529.209	124.814.690.867

(*) Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ, trích thưởng cho Ban quản lý điều hành Công ty và ghi nhận cổ tức phải trả từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị Quyết số 01/2016/NQ/STV - ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Quyết định tạm phân phối lợi nhuận số 183A/2016/QĐ/STV-HĐQT ngày 01/10/2016 của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng xanh A&A	32.923.500.000	3.292.350	32.923.500.000	3.292.350
Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS	20.448.000.000	2.044.800	20.448.000.000	2.044.800
Ông Ninh Quốc Cường	25.000.000	2.500	25.000.000	2.500
Các cổ đông khác	11.731.000.000	1.173.100	11.731.000.000	1.173.100
TỔNG CỘNG	65.127.500.000	6.512.750	65.127.500.000	6.512.750

15.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Cổ tức đã công bố trong năm

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	6.512.750.000	-
Cổ tức cho năm 2014: 600 VND/cổ phiếu	-	3.907.650.000

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán
và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày
31 tháng 12 năm 2016**

- -

15.4 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm Số đầu năm

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.512.750	6.512.750
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.512.750	6.512.750
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.512.750	6.512.750
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.512.750	6.512.750
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.512.750	6.512.750
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
Tổng doanh thu	149.613.061.026	109.159.590.430
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	146.407.669.400	94.460.775.535
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.738.855.776	13.030.190.278
<i>Doanh thu dịch vụ gia công và dịch vụ khác</i>	1.466.535.850	1.668.624.617
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	149.613.061.026	109.159.590.430
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	21.009.143.082	31.788.708.722
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	128.603.917.944	77.370.881.708

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	2.750.100.001	2.251.575.001
Lãi tiền gửi	212.534.500	266.338.122
Lãi chênh lệch tỷ giá	194.424	48.297.387
	2.962.828.925	2.566.210.510

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
Giá vốn của thành phẩm	110.528.357.444	67.386.288.250
Giá vốn của hàng hóa	1.612.940.923	12.665.837.192
Giá vốn của dịch vụ gia công và dịch vụ khác	1.066.662.089	1.288.197.777
	113.207.960.456	81.340.323.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	2.173.725.522	1.415.803.384
Chi phí vận chuyển	174.782.403	204.424.503
Chi phí bán hàng khác	395.799.803	186.700.534
	<u>2.744.307.728</u>	<u>1.806.928.421</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	4.129.407.311	3.274.859.152
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	752.663.100	1.098.768.112
Chi phí khấu hao	1.072.328.759	449.000.977
Chi phí dụng cụ	744.184.303	204.886.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.214.514	483.654.015
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	949.325.180	931.575.368
	<u>8.246.123.167</u>	<u>6.442.744.194</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.990.430.895</u>	<u>8.249.672.615</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.977.324.050	64.075.560.398
Chi phí nhân công	16.694.697.139	9.365.210.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.287.227.171	4.864.156.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.910.533.528	6.871.482.945
Chi phí khác bằng tiền	4.634.808.246	3.155.245.586
	<u>136.504.590.134</u>	<u>88.331.655.575</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

Đối với hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019).

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017). Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất trong năm nay là 7,5%.

Đối với hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.563.715.175	1.907.886.017
Giảm trừ thuế TNDN năm trước	-	(1.121.625.691)
Tăng thuế TNDN năm trước	129.982.190	-
TỔNG CỘNG	2.693.697.365	786.260.326

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.390.790.079	22.015.232.091
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng cho Công ty	2.499.190.956	1.888.235.079
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí dở dang dự án Dolphin không thu được tiền	32.437.089	-
Chi phí thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách	15.780.863	14.994.803
Các khoản chi phí không hợp lệ	8.777.569	4.459.556
Tiền phạt	3.496.657	196.579
Lỗi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	46.323	-
Chi phí khác	3.985.718	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	129.982.190	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(1.121.625.691)
Chi phí thuế TNDN	2.693.697.365	786.260.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS	Công ty cùng Tập đoàn	Mua phôi đá	146.629.755.941	44.270.616.823
		Bán đá mẫu	76.321.782.656	70.756.504.626
		Bán thành phẩm	48.106.496.213	2.447.340.000
		Mua vật tư	2.242.738.817	1.809.552.353
		Bán hàng hóa	1.738.855.776	-
		Cho thuê nhà xưởng	960.000.000	960.000.000
		Gia công đá mẫu	247.950.174	244.659.942
		Cho thuê xe	15.500.000	-
		Vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
		Tắt toán khoản vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	54.166.667
Cổ tức phải trả	2.044.800.000	1.226.880.000		
Cổ tức đã trả	3.271.680.000	-		
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	52.000.000.000	55.000.000.000
		Thu lại tiền cho vay ngắn hạn	52.000.000.000	55.000.000.000
		Mua phôi đá	15.339.579.110	-
		Lãi từ hoạt động cho vay	2.750.100.001	1.210.900.001
		Bán đá mẫu	841.058.750	899.648.285
		Bán thành phẩm	266.036.625	15.000.000
		Mua vật tư	117.741.203	-
Gia công đá mẫu	25.654.500	78.386.675		
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua phôi đá	3.536.873.356	-
		Bán thành phẩm và gia công đá mẫu	80.583.250	1.969.342.180
		Cổ tức phải trả	3.292.350.000	1.975.410.000
		Cổ tức đã trả	5.267.760.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>					
Công ty Cổ phần tư vấn quản lý dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Xây dựng cơ bản	262.277.153	-	-
			262.277.153	-	-
<i>Phải trả người bán (Thuyết minh số 11)</i>					
Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS	Công ty cùng Tập đoàn	Mua phôi đá	36.102.683.362	-	-
Công ty cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua phôi đá	277.283.425	-	-
			36.379.966.787	-	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

			<i>Đơn vị tính: VND</i>		
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Lương và thưởng			1.234.773.492	1.005.752.528	
TỔNG CỘNG			1.234.773.492	1.005.752.528	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.697.092.714	21.228.971.765
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành Công ty (*)	<u>(1.927.281.954)</u>	<u>(1.592.172.883)</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>23.769.810.760</u>	<u>19.636.798.882</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.512.750</u>	<u>6.512.750</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.512.750</u>	<u>6.512.750</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	3.650	3.015
- Lãi suy giảm	3.650	3.015

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015. Dự trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được xác định căn cứ theo Nghị quyết số 01/2016/NQ/STV-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 1 tháng 4 năm 2016.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang thuê 24.100 m² đất tại Lô A2, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 12/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 12.989.900.000 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m²/năm.

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng và cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.130.500.000	720.000.000
Từ 1 đến 5 năm	720.000.000	-
	1.850.500.000	720.000.000

24. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho nhất quán với cách ghi nhận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chi tiết như sau:

	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND
		(đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định hữu hình – Nguyên giá	222	49.913.167.281	(9.712.109.320)	40.201.057.961
Tài sản cố định hữu hình – Giá trị hao mòn lũy kế	223	(30.890.773.212)	4.290.297.593	(26.600.475.619)
Bất động sản đầu tư – Nguyên giá	231	-	9.712.109.320	9.712.109.320
Bất động sản đầu tư – Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	(4.290.297.593)	(4.290.297.593)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại)
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	108.199.590.430	960.000.000	109.159.590.430
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	80.457.270.975	883.052.244	81.340.323.219
Thu nhập khác	31	965.962.750	(960.000.000)	5.962.750
Chi phí khác	32	901.788.619	(883.052.244)	18.736.375
Thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố				
Chi phí khấu hao tài sản cố định		3.981.104.338	883.052.244	4.864.156.582

Ngoài ra, chỉ tiêu về lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200 như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập biểu
Phạm Thị Duyên



Kế toán trưởng
Trần Thị Đức Hạnh



Giám đốc
Lưu Công An

Ngày 20 tháng 2 năm 2017